

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Báo cáo tài chính

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét*



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-29

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 trước đây là Công ty Xây dựng số 7 được thành lập theo Quyết định số 2065/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 7 - Doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100105743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/02/2002, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2 - Khu Đô thị Mỹ Đình 2, Đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tấn	Chủ tịch
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Trường	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Việt Độ	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08/04/2011)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đăng Lợi	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Kim Cúc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thủy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Trọng Tấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011



Số: 1024 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 7

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 được lập ngày 15 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		331.426.999.467	372.247.938.549
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	47.281.628.690	18.918.600.801
111	1. Tiền		9.781.628.690	7.918.600.801
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.500.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		202.656.922.514	276.922.233.138
131	1. Phải thu của khách hàng		154.451.339.351	233.591.269.127
132	2. Trả trước cho người bán		6.990.595.890	2.107.371.805
135	5. Các khoản phải thu khác	4	41.214.987.273	41.223.592.206
140	IV. Hàng tồn kho		68.092.180.987	59.460.480.662
141	1. Hàng tồn kho	5	68.092.180.987	59.460.480.662
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.396.267.276	16.946.623.948
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	13.396.267.276	16.946.623.948
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		250.627.125.939	162.997.491.779
220	II. Tài sản cố định		230.342.710.894	142.254.294.412
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	19.279.635.242	19.096.303.483
222	- Nguyên giá		55.382.655.644	54.647.564.015
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(36.103.020.402)	(35.551.260.532)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	23.190.411	28.690.411
228	- Nguyên giá		516.767.278	516.767.278
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(493.576.867)	(488.076.867)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	211.039.885.241	123.129.300.518
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	8.675.371.484	8.675.371.484
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		800.476.484	800.476.484
258	3. Đầu tư dài hạn khác		7.874.895.000	7.874.895.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.609.043.561	12.067.825.883
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	11.609.043.561	12.067.825.883
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		582.054.125.406	535.245.430.328

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		465.027.852.135	406.347.538.841
310	I. Nợ ngắn hạn		458.512.612.995	400.620.489.916
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	241.322.831.850	205.208.586.524
312	2. Phải trả người bán		136.977.081.048	155.736.174.353
313	3. Người mua trả tiền trước		69.880.372.301	23.307.336.707
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	837.928.286	11.318.483.145
315	5. Phải trả người lao động		125.279.730	305.541.805
316	6. Chi phí phải trả	14	1.533.805.549	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	4.484.908.584	4.080.379.801
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.350.405.647	663.987.581
330	II. Nợ dài hạn		6.515.239.140	5.727.048.925
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	6.301.434.161	5.538.627.799
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		213.804.979	188.421.126
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.026.273.271	128.897.891.487
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	117.026.273.271	128.897.891.487
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.046.749.030	25.046.749.030
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(4.746.204.135)	(3.261.342.310)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		8.803.159.972	5.676.421.907
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.626.586.729	1.063.217.697
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.295.981.675	20.372.845.163
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		582.054.125.406	535.245.430.328

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		14,16	14,16

Người lập



Trần Quang Trung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng



Nguyễn Trọng Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		106.492.532.358	200.053.627.080
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	106.492.532.358	200.053.627.080
11	4. Giá vốn hàng bán	19	90.610.566.486	174.537.967.635
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.881.965.872	25.515.659.445
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.381.780.515	2.127.072.790
22	7. Chi phí tài chính	21	4.210.717.573	8.646.628.582
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.166.085.266	8.437.829.453
24	8. Chi phí bán hàng		212.948.183	273.139.074
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.930.695.753	4.660.541.177
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.909.384.878	14.062.423.402
31	11. Thu nhập khác		1.282.949.497	40.399.382
32	12. Chi phí khác		115.972.942	7.046.774
40	13. Lợi nhuận khác		1.166.976.555	33.352.608
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.076.361.433	14.095.776.010
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.780.379.758	3.512.706.772
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.295.981.675	10.583.069.238
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	676	1.754

Người lập


Trần Quang Trung

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuấn Dũng



Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Giám đốc


Nguyễn Trọng Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.076.361.433	14.095.776.010
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.164.636.827	2.514.108.285
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.982.098.469)	(2.029.482.790)
06	Chi phí lãi vay		4.166.085.266	8.437.829.453
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.424.985.057	23.018.230.958
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		77.815.667.296	(59.408.820.918)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.631.700.325)	19.553.790.817
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.769.526.788	(9.203.318.458)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		458.782.322	837.145.737
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.425.410.005)	(4.916.150.846)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.888.002.588)	(2.867.104.708)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		184.013.737	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(554.686.063)	(446.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		91.153.176.219	(33.432.827.418)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(87.563.914.448)	(114.467.051.784)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		644.950.261	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(366.481.582.300)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	314.181.582.300
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.292.625.994	2.029.482.790
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(85.626.338.193)	(164.737.568.994)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	29.965.572.365
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.484.861.825)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		93.699.545.338	302.123.733.751
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(56.822.493.650)	(145.662.352.890)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.556.000.000)	(6.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.836.189.863	180.426.953.226

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		28.363.027.889	(17.743.443.186)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		18.918.600.801	22.636.735.179
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	47.281.628.690	4.893.291.993

Người lập



Trần Quang Trung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng



Lập ngày 15 tháng 07 năm 2011

Giám đốc

Nguyễn Trọng Tấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 trước đây là Công ty Xây dựng số 7 được thành lập theo Quyết định số 2065/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 7 - Doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100105743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/02/2002, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2 - Khu Đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 80.000.000.000 VND, tương đương 8.000.00 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100105743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/02/2002, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15 tháng 06 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế 110 KV;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu các công trình xây dựng cấp thoát nước;
- Lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Trang trí nội thất;
- Xây dựng và phát triển nhà;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Tư vấn đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư;
- Các dịch vụ cho thuê, sửa chữa bảo dưỡng xe máy, kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Sản xuất, tiêu dùng đồ gỗ, xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng;
- Sản xuất và buôn bán nước tinh khiết;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán các loại cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2011
CÔNG TY
PHẠM HÙNG
VỤ TỰ
TÍNH KẾ
KIỂM TO
TỔNG KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

0102
CÔNG
CHÍNH
CH VỤ
CHÍNH K
KIỂM T
T.M-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	4.300.481.491	1.094.566.722
Tiền gửi ngân hàng	5.481.147.199	6.824.034.079
Các khoản tương đương tiền	37.500.000.000	11.000.000.000
	47.281.628.690	18.918.600.801

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Dự án 19 Đại Từ (1)	1.350.000.000	1.350.000.000
- Dự án 136 Hồ Tùng Mậu (2)	12.000.000.000	12.000.000.000
- Dự án khu Đô thị tại Tổ 34, Thị trấn Cầu Diễn (3)	27.500.000.000	27.500.000.000
Phải thu khác	364.987.273	373.592.206
	41.214.987.273	41.223.592.206

(1) Công ty tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2007/HĐHTĐT ngày 12 tháng 02 năm 2007 giữa Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Linh Đàm và Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 để hợp tác đầu tư triển khai xây dựng tòa nhà văn phòng, dịch vụ và chung cư cao tầng tại 19 Đại Từ, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

(2) Tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 107/2007/HĐHT-ĐT ngày 27/07/2007 giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội (HADICO) và Vinaconex 7 để hợp tác triển khai Dự án đầu tư phát triển nhà ở trên khu đất có diện tích là 14.980m² tại 136 Hồ Tùng Mậu, Huyện Từ Liêm, Hà Nội.

(3) Công ty tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 21/04/2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Mefrimex và Vinaconex 7 để hợp tác triển khai Dự án Công trình hỗn hợp dịch vụ, văn phòng làm việc và nhà ở tại Tổ 34 - Thị trấn Cầu Diễn - Huyện Từ Liêm - Hà Nội.

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.969.149.880	3.613.047.362
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.873.005.178	55.332.424.138
Thành phẩm	195.250.107	515.009.162
Hàng hoá	54.775.822	-
	68.092.180.987	59.460.480.662

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	13.396.267.276	16.946.623.948
	13.396.267.276	16.946.623.948

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	8.119.276.635	39.400.933.744	6.582.859.755	544.493.881	54.647.564.015
Số tăng trong kỳ	-	172.181.818	2.078.705.455	91.581.313	2.342.468.586
- Mua sắm kỳ	-	172.181.818	2.078.705.455	91.581.313	2.342.468.586
Số giảm trong kỳ	-	(1.607.376.957)	-	-	(1.607.376.957)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.607.376.957)	-	-	(1.607.376.957)
Số dư cuối kỳ	8.119.276.635	37.965.738.605	8.661.565.210	636.075.194	55.382.655.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	3.091.614.300	28.799.375.483	3.212.077.571	448.193.178	35.551.260.532
Số tăng trong kỳ	199.553.760	1.374.781.793	548.314.700	36.486.574	2.159.136.827
- Trích khấu hao	199.553.760	1.374.781.793	548.314.700	36.486.574	2.159.136.827
Số giảm trong kỳ	-	(1.607.376.957)	-	-	(1.607.376.957)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.607.376.957)	-	-	(1.607.376.957)
Số dư cuối kỳ	3.291.168.060	28.566.780.319	3.760.392.271	484.679.752	36.103.020.402
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	5.027.662.335	10.601.558.261	3.370.782.184	96.300.703	19.096.303.483
Cuối kỳ	4.828.108.575	9.398.958.286	4.901.172.939	151.395.442	19.279.635.242

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 889.150.359 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.717.395.595 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	450.000.000	66.767.278	516.767.278
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	450.000.000	66.767.278	516.767.278
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	450.000.000	38.076.867	488.076.867
Số tăng trong kỳ	-	5.500.000	5.500.000
- Trích khấu hao		5.500.000	5.500.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	450.000.000	43.576.867	493.576.867
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	-	28.690.411	28.690.411
Cuối kỳ	-	23.190.411	23.190.411

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	211.039.885.241	123.129.300.518
- Dự án mua Văn phòng (1)	6.870.500.898	6.870.500.898
- Dự án Chung cư 19 Đại Từ (2)	16.837.369.321	15.170.343.208
- Dự án 136 Hồ Tùng Mậu (3)	108.216.154.602	62.616.796.081
- Dự án 34 Cầu Diễn (4)	71.942.717.154	37.334.623.812
- Nhà kho, xưởng sản xuất kính hộp	7.164.167.630	1.128.060.883
- Phí tư vấn mua cầu thép	8.975.636	8.975.636
	211.039.885.241	123.129.300.518

(1) Theo hợp đồng số 02 HĐMBVP - H10/VC6 - VC7 về việc mua văn phòng được lập ngày 16 tháng 11 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (Bên bán) và Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - VC7 (Bên mua) thì Công ty VC 7 Mua tầng 3 - Tòa nhà chung cư H10 Thanh Xuân - Số 2, Ngõ 475, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà nội với diện tích Văn phòng 685,88 m2, giá trị hợp đồng là: 12.688.780. 000 VND, số tiền đã thanh toán đến thời điểm 30/06/2011 là: 7.500.000.000 VND.

(2) Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng dịch vụ và nhà ở cao tầng: Dự án được khởi công từ tháng 5 năm 2009, dự kiến hoàn thành vào tháng 5 năm 2011 tại số 19 Đại Từ - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội. Tòa nhà được xây dựng trên diện tích 900m2, 17 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng là 14.600 m2 với tổng giá trị đầu tư của dự án là 165,463 tỷ đồng. Hiện tại, Công trình đã hoàn thành bàn giao cho các tổ chức, cá nhân mua căn hộ, chỉ còn lại phần diện tích 3 tầng dưới cùng làm văn phòng cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(3) **Dự án xây dựng chung cư 136 Hồ Tùng Mậu:** Dự án được khởi công từ tháng 12 năm 2009 và dự kiến hoàn thành vào tháng 12 năm 2012 trên diện tích đất 14.995 m² tại số 136 Hồ Tùng Mậu - TT Cầu Diễn - Huyện Từ Liêm - TP. Hà Nội. Công trình bao gồm các hạng mục nhà cao tầng, nhà thấp tầng, bãi đỗ xe và sân chơi. Hiện tại Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các căn hộ khu biệt thự liền kề và thi công phần móng của hai khu nhà chung cư cao tầng.

(4) **Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp dịch vụ công cộng văn phòng làm việc và nhà ở:** Công trình được khởi công tháng 12 năm 2009, dự kiến hoàn thành vào tháng 12 năm 2011 trên khu đất 1.125 m² tại Tổ 34 thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội. Dự án bao gồm các công trình văn phòng làm việc, nhà ở cao tầng, hiện tại công trình đang trong giai đoạn thi công phần móng.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	800.476.484	800.476.484
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VINACONEX (*)	800.476.484	800.476.484
Đầu tư dài hạn khác	7.874.895.000	7.874.895.000
	8.675.371.484	8.675.371.484

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VINACONEX có trụ sở tại Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội với hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm cửa nhựa UPVC cao cấp ngoài ra còn thực hiện các hoạt động trong giấy phép đăng ký kinh doanh (kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vui chơi giải trí; trang trí nội ngoại thất; đầu tư kinh doanh bất động sản). Số vốn góp của Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VINACONEX tại thời điểm 30/06/2011 là 800.476.484 đồng chiếm 42,57% tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Thông tin về các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel - góp vốn	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần vật tư ngành nước Vinaconex - góp vốn	1.512.500.000	1.512.500.000
Công ty cổ phần trang trí nội thất Việt Nam - góp vốn	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Hà Nội - góp vốn	450.000.000	450.000.000
Công ty cổ phần ống sớ thủy tinh Vinaconex - góp vốn	200.000.000	200.000.000
Công ty cổ phần tư vấn Handic - góp vốn	411.075.000	411.075.000
Đầu tư dài hạn khác	1.320.000	1.320.000
	7.874.895.000	7.874.895.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	10.167.227.214	10.278.954.510
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.441.816.347	1.788.871.373
	11.609.043.561	12.067.825.883

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	240.107.290.876	202.119.368.658
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	-	11.780.653.241
Ngân hàng TMCP Công thương Nam Thăng Long	-	2.035.263.120
Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi	39.750.835.477	16.778.980.079
BQL DA ĐTXD HTCN Sông Đà Hà Nội	-	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	35.361.455.399	42.729.472.218
Phục vụ Dự án 136 - Hồ Tùng Mậu - Cầu Diễn	102.995.000.000	79.295.000.000
Phục vụ Dự án Tổ 34 - Thị Trấn - Cầu Diễn	42.500.000.000	30.000.000.000
Vay cá nhân khác	17.500.000.000	17.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.215.540.974	3.089.217.866
	241.322.831.850	205.208.586.524

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngân hàng Công thương Chi nhánh Nguyễn Trãi như sau:

Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng 01/HĐTD2010-CT7 ngày 16 tháng 09 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 14.000.000.000 đồng (Trong tổng dư nợ vay của tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi đang còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân tối đa là 70.000.000.000 đồng);
- + Mục đích vay: thanh toán tiền vật tư, nhân công và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy kính;
- + Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng với biên độ tối thiểu là 3%/năm. Kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 14%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng 03/HĐTD2010-CT7 ngày 06 tháng 10 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 6.000.000.000 đồng (Trong tổng dư nợ vay của tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi đang còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân tối đa là 70.000.000.000 đồng);
- + Mục đích vay: thanh toán tiền vật tư, nhân công và các chi phí khác phục vụ thi công xây dựng giai đoạn 1 hạng mục "Công trình nhà N04B thuộc công trình Khu ký túc xá - Trường Đại học Hùng Vương";
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng với biên độ tối thiểu là 3%/năm. Kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 14%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng 05/HĐTD2010-CT7 ngày 08 tháng 11 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 20.000.000.000 đồng (Trong tổng dư nợ vay của tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi đang còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân tối đa là 70.000.000.000 đồng);

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- + Mục đích vay: thanh toán tiền vật tư, nhân công và các chi phí khác phục vụ thi công xây dựng giai đoạn 1
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng với biên độ tối thiểu là 3%/năm. Kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 14,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng 06/HĐTD2010-CT7 ngày 26 tháng 11 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 50.000.000.000 đồng (Trong tổng dư nợ vay của tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi đang còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân tối đa là 70.000.000.000 đồng);
- + Mục đích vay: thanh toán tiền vật tư, nhân công và các chi phí khác phục vụ thi công dự án "Công trình hỗn hợp dịch vụ công cộng, văn phòng làm việc và nhà ở tại Tổ 34, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội";
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi. Kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 15,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng 07/HĐTD2010-CT7 ngày 09 tháng 12 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 20.000.000.000 đồng (Trong tổng dư nợ vay của tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi đang còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân tối đa là 70.000.000.000 đồng);
- + Mục đích vay: thanh toán tiền vật tư, nhân công và các chi phí khác phục vụ thi công giai đoạn 1 năm 2011 của dự án "Đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán tại số 136 Hồ Tùng Mậu, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội";
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi. Kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 16%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng 01/HĐTD2011-CT7 ngày 15 tháng 02 năm 2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 20.000.000.000 đồng (Trong tổng dư nợ vay của tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi đang còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân tối đa là 70.000.000.000 đồng);
- + Mục đích vay: thanh toán tiền vật tư, nhân công, chi phí vận chuyển, chi phí thuê máy và các chi phí khác phục vụ thi công giai đoạn 1 gói thầu số 08: "Xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy bia Sài Gòn - Hà Tĩnh";
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi. Kỳ đầu tiên áp dụng lãi suất 16,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết về khoản vay Công ty CP Đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2:

Theo khế ước vay vốn ngày 19 tháng 05 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng giá trị khoản vay là 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ xây lắp thủy điện Ngòi Phát;
- + Thời hạn của hợp đồng là 03 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 0%;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Thông tin chi tiết về khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel

Hợp đồng tín dụng số 07/2010/TDHM - VC7 ngày 22 tháng 06 năm 2010, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 07/2010/TDHM - VC7 - PL01 ngày 25 tháng 10 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 42.900.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay tối đa 11 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ);
- + Lãi suất cho vay: được xác định thỏa thuận theo từng giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Thông tin về các khoản vay cá nhân:

Các khoản vay cá nhân chủ yếu để phục vụ cho việc xây dựng các công trình do Công ty làm chủ đầu tư với mức lãi suất từ 10,05% đến 21%/năm.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	534.860.901	8.743.172.823
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	9.759.825
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	291.465.021	2.399.087.851
Thuế Thu nhập cá nhân	11.602.364	166.462.646
	837.928.286	11.318.483.145

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.533.805.549	-
	1.533.805.549	-

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.263.103.683	1.304.487.191
Bảo hiểm xã hội	85.467.481	70.102.756
Bảo hiểm y tế	27.543.345	43.244.504
Bảo hiểm thất nghiệp	18.963.356	4.151.388
Phí bảo trì công trình chung cư	3.089.830.719	2.658.393.962
	4.484.908.584	4.080.379.801

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

16 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	6.301.434.161	5.538.627.799
- Vay ngân hàng	4.660.500.000	4.660.500.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	1.640.934.161	878.127.799
	6.301.434.161	5.538.627.799

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Hợp đồng	Lãi suất (% năm)	Thời hạn vay	Tổng số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2011	Số dư đến hạn trả trong năm 2011	Phương thức bảo đảm
Ngân hàng ĐT&PT Hà Tây			1.706.275.000	525.775.000	
01/2007/HĐTD-09/11/2007- May dao banh xich	11,64%	56 tháng	301.080.000	148.080.000	Thế chấp tài sản
02/2007/HĐTD-13/12/2007- Oto tu do	11,64%	56 tháng	327.617.500	153.617.500	Thế chấp tài sản
01/2009/HĐTDTH- 07/07/2009- May dao PW200	10,50%	60 tháng	590.575.000	90.575.000	Thế chấp tài sản
02/2009/VC7-11/09/2009	10,50%	36 tháng	-	-	Thế chấp tài sản
03/2009/VC7-11/09/2009- Cau thap QTZ5015	10,50%	60 tháng	487.002.500	133.502.500	Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Công thương Nam Thăng Long			4.060.000.000	580.000.000	
0212.2009/TDH/VC7- 02/12/2009	12,00%	60 tháng	560.000.000	80.000.000	Thế chấp tài sản
0312.2009/TDH/VC7- 03/12/2009- Tru so HH2-2	12,00%	60 tháng	3.500.000.000	500.000.000	Thế chấp tài sản
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel			1.750.700.135	109.765.974	
10/2010/TDTH - VC7- 22/06/2010- Cau thap, van thang long	14,00%	60 tháng	1.078.051.746	35.027.264	Thế chấp tài sản
19/2010/TDTH - VC7- 25/10/2010- Day chuyen kinh hop	14,00%	60 tháng	672.648.389	74.738.710	Thế chấp tài sản
Cộng			7.516.975.135	1.215.540.974	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Đình 2

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	25.081.176.665	-	4.308.191.071	379.102.279	11.720.577.090	91.489.047.105
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	20.372.845.163	20.372.845.163
Phân phối quỹ	-	-	-	1.368.230.836	684.115.418	(2.052.346.254)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.261.342.310)	-	-	-	(3.261.342.310)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.268.230.836)	(1.268.230.836)
Giảm khác	-	(34.427.635)	-	-	-	-	(34.427.635)
Số dư đầu năm	80.000.000.000	25.046.749.030	(3.261.342.310)	5.676.421.907	1.063.217.697	20.372.845.163	128.897.891.487
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	5.295.981.675	5.295.981.675
Phân phối quỹ	-	-	-	3.126.738.065	1.563.369.032	(4.690.107.097)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(12.556.000.000)	(12.556.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.484.861.825)	-	-	-	(1.484.861.825)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.126.738.066)	(3.126.738.066)
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	25.046.749.030	(4.746.204.135)	8.803.159.972	2.626.586.729	5.295.981.675	117.026.273.271

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tổng Công ty CP Vinaconex	40.800.000.000	51,00%	40.800.000.000	51,00%
Vốn góp của đối tượng khác	39.200.000.000	49,00%	39.200.000.000	49,00%
	80.000.000.000	100,00%	80.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	30.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.556.000.000	8.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.556.000.000	8.400.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	229.500	131.300
- Cổ phiếu phổ thông	229.500	131.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.770.500	7.868.700
- Cổ phiếu phổ thông	7.770.500	7.868.700
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.803.159.972	5.676.421.907
Quỹ dự phòng tài chính	2.626.586.729	1.063.217.697
	11.429.746.701	6.739.639.604

18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	15.853.084.758	13.015.763.824
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.639.447.600	187.037.863.256
	106.492.532.358	200.053.627.080

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	14.009.269.524	11.539.880.840
Giá vốn của hoạt động xây lắp	76.601.296.962	162.998.086.795
	90.610.566.486	174.537.967.635

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.292.625.994	1.979.982.790
Cổ tức, lợi nhuận được chia	89.154.521	49.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	97.590.000
	1.381.780.515	2.127.072.790

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.166.085.266	8.437.829.453
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.632.307	208.453.429
Chi phí tài chính khác	-	345.700
	4.210.717.573	8.646.628.582

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.076.361.433	14.095.776.010
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	45.157.599	(44.948.921)
- Các khoản điều chỉnh tăng	134.312.120	4.551.079
- Các khoản điều chỉnh giảm	(89.154.521)	(49.500.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế	7.121.519.032	14.050.827.089
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.780.379.758	3.512.706.772
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.780.379.758	3.512.706.772

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.295.981.675	10.583.069.238
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.295.981.675	10.583.069.238
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.829.625	6.033.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	676	1.754

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động sản xuất VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	90.639.447.600	15.853.084.758	106.492.532.358
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	20.377.681.421	108.522.737	20.486.204.158
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	6.210.430.914	(301.046.036)	5.909.384.878
Tổng chi phí mua tài sản cố định	2.342.468.586	6.036.106.747	8.378.575.333
Tài sản bộ phận	577.325.827.076	16.366.656.976	593.692.484.052
Tổng tài sản	577.325.827.076	16.366.656.976	582.054.125.406
Nợ phải trả của các bộ phận	460.299.553.805	4.728.298.330	465.027.852.135
Tổng nợ phải trả	460.299.553.805	4.728.298.330	465.027.852.135

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng			
- Văn phòng Tổng công ty	Công ty mẹ	-	3.983.011.864
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	TV Tổng Cty	-	9.192.727
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	TV Tổng Cty	-	9.566.364
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	TV Tổng Cty	-	27.304.545
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	TV Tổng Cty	-	3.750.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	TV Tổng Cty	-	7.518.182
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	TV Tổng Cty	676.674.061	189.665.939
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	TV Tổng Cty	-	7.209.091
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	TV Tổng Cty	-	46.861.979

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	TV Tổng Cty	82.581.818	326.396.250
- Công ty Cổ phần Đầu tư và PT điện Miền Bắc 2	TV Tổng Cty	-	28.736.854.545
- Công ty Cổ phần VIMECO	TV Tổng Cty	-	52.987.273
- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân mai	TV Tổng Cty	-	7.731.818
- Công ty Cổ phần Vinaconex - Lương Sơn	TV Tổng Cty	-	2.404.545
- Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại VN	TV Tổng Cty	-	3.722.735
- Công ty Cổ phần Đầu tư và PT Du lịch Vinaconex ITC	TV Tổng Cty	-	747.934
- Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước Mua hàng	TV Tổng Cty	108.502.036	-
- Công ty Cổ phần Vinaconex 6	TV Tổng Cty	120.596.000	-
- Công ty Cổ phần xây dựng số 9	TV Tổng Cty	3.119.048.458	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	TV Tổng Cty	47.937.700	-
- Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	TV Tổng Cty	363.416.490	-
- Công ty Cổ phần Xi măng VINACONEX - Lương Sơn	TV Tổng Cty	324.341.200	-
- Công ty Cổ phần ĐTXD và Kinh Doanh nước sạch	TV Tổng Cty	46.454.545	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán :

	Mối quan hệ	30/06/2011 VND
Phải thu tiền hàng		
- Văn phòng Tổng Công ty	Công ty mẹ	4.256.639.183
- Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Công ty TV Tổng Công ty	1.167.844.675
- Công ty Cổ phần xây dựng số 15	Công ty TV Tổng Công ty	404.200.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	Công ty TV Tổng Công ty	1.309.561.175
- Công ty Cổ phần VIMECO	Công ty TV Tổng Công ty	455.979.000
- Công ty Cổ phần ĐTXD và Kinh Doanh nước sạch	Công ty TV Tổng Công ty	443.968.863
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Công ty TV Tổng Công ty	2.813.263.993
- Công ty Cổ phần Đá Trắng Yên Bình	Công ty TV Tổng Công ty	210.078.000
- Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	Công ty TV Tổng Công ty	1.523.661.820
- BDH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	Công ty TV Tổng Công ty	3.095.150.168
- BQL Dự án nước Sông Đà - Hà Nội	Công ty TV Tổng Công ty	683.065.680

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 18, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị
Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Người mua trả trước

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	Công ty TV Tổng Công ty	16.066.461.300
- BDHDA XD ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Công ty TV Tổng Công ty	12.502.889.626

Phải trả người bán

- Công ty Cổ phần xây dựng số 1	Công ty TV Tổng Công ty	157.506.111
- Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Công ty TV Tổng Công ty	1.109.760.000
- Công ty Cổ phần xây dựng số 11	Công ty TV Tổng Công ty	219.594.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	Công ty TV Tổng Công ty	52.731.470
- Công ty Cổ phần VIMECO	Công ty TV Tổng Công ty	696.902.894
- Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Công ty TV Tổng Công ty	399.758.000
- Công ty Cổ phần Xi măng VINACONEX-Lương Sơn	Công ty TV Tổng Công ty	242.460.050
- Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản	Công ty TV Tổng Công ty	160.181.818

Trả trước cho người bán

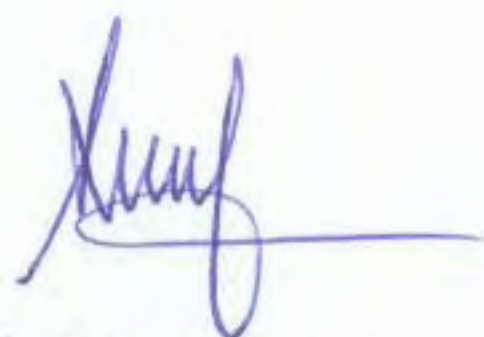
- Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Công ty TV Tổng Công ty	1.244.859.020
- Công ty Cổ phần ĐTXD và Kinh Doanh nước sạch	Công ty TV Tổng Công ty	415.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex ITC	Công ty TV Tổng Công ty	500.000.000

Phải trả tiền vay

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	Công ty TV Tổng Công ty	2.000.000.000
---	-------------------------	---------------

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

Người lập

Trần Quang Trung**Kế toán trưởng**

Nguyễn Tuấn Dũng

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Giám đốc**Nguyễn Trọng Tấn**